

Số: 130 /BC-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 07 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới

Kính gửi: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thực hiện Kế hoạch số 907/KH-MTTW-BTT ngày 28/6/2024 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát việc tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới; cụ thể như sau:

#### I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

##### 1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

Tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên 6.022,6 km<sup>2</sup>, diện tích vùng lãnh hải: 36.000 km<sup>2</sup>, lãnh thổ của tỉnh trải dài 110 km theo hướng Bắc - Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 134 km. Tỉnh Bình Định có vị trí kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển Quy Nhơn. Ngoài lợi thế này, Bình Định còn có nguồn tài nguyên tự nhiên và nguồn nhân lực khá dồi dào.

##### 2. Đặc điểm về dân số, xã hội

Dân số trung bình tỉnh Bình Định năm 2024 ước tính 1.506,3 nghìn người (trong đó, nam có 749 nghìn người, chiếm 49,7%, nữ có 757,3 nghìn người, chiếm 50,3%). Ngoài dân tộc kinh là đa số, thì còn có khoảng 43 nghìn người (tỷ lệ 2,71%) là dân tộc thiểu số, chủ yếu là Chăm, Bana, Hrê...

Dân số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi khoảng 11.670 hộ. Hiện có 39 dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó có 3 dân tộc chiếm số đông, với 9.300 hộ, 25.000 nhân khẩu cư trú lâu đời là Chăm, Bana và H'rê và một số dân tộc mới nhập cư khoảng 200 hộ, 800 khẩu như: Thổ, Thái, Tày, Pako, Nùng, Mường, Mnông.... Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại 33 xã, thị trấn, tập trung tại các huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) và trung du (Hoài Ân, Tây Sơn).

Tỉnh Bình Định hiện có **28** cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gồm

có 20 cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và 07 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); **11** Ủy ban nhân dân cấp huyện (08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố); **159** xã, phường, thị trấn (116 xã, 32 phường, 11 thị trấn); 1.116 thôn, tổ dân phố.

Toàn tỉnh, có **30.927** cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; trong đó có **772** cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số (cán bộ, công chức các cơ quan ở cấp tỉnh: **15/1.141** người, tỷ lệ 1,3%; cán bộ, công chức cấp huyện: **23/860** người, tỷ lệ 2,7%; cán bộ, công chức cấp xã: **281/3.121** người, tỷ lệ 9% và **431/25.805** viên chức đơn vị sự nghiệp công lập, tỷ lệ 1,67%<sup>1</sup>).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh, có phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, uy tín, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn hiện nay và các năm tiếp theo.

## **II. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW NGÀY 30/10/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

### **1. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện**

Trong tình hình hiện nay chính sách dân tộc luôn được Đảng; Chính phủ quan tâm cả về vật chất và tinh thần; Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh, huyện đến cơ sở luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức sâu sắc về chiến lược phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Căn cứ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Chỉ thị số 59-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của BCHTW Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 7994/UBND-TH ngày 30/12/2019 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 27/8/2023. Theo đó, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Chỉ thị số 59-CT/TU nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác dân tộc.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp làm cho cán bộ, đảng viên và đồng bào dân tộc thiểu số về những thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố lòng tin

<sup>1</sup> Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 23.435 người và viên chức hưởng lương từ đơn vị sự nghiệp công lập: 2.370 người.

của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; phát huy truyền thống đại đoàn kết các dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thường xuyên cập nhật, cung cấp, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác dân tộc; các mô hình làm kinh tế giỏi, gương người tốt, việc tốt đến cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh để bà con học tập và làm theo, không ngừng nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát huy vai trò, vị trí của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công kết nghĩa ở các thôn, làng trong công tác tuyên truyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nhất là việc thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường phát triển kinh tế, đẩy nhanh công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số.

## **2. Khái quát chung về công tác cán bộ**

Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có tỷ lệ hợp lý: Ban Dân tộc tỉnh đã bố trí 1/3 lãnh đạo Ban (trên 30%) là người dân tộc thiểu số; Phòng Dân tộc tại các địa phương (huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh, huyện An Lão) đều bố trí lãnh đạo phòng là người dân tộc thiểu số (trên 50%), công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức, có trình độ năng lực nghiệp vụ, từng bước củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tích cực, nghiêm túc triển khai thực hiện chế độ cử tuyển và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Đến năm 2023, có 118 người dân tộc thiểu số được cử đi học đại học theo chế độ cử tuyển (66 người dân tộc Hre, 44 người dân tộc Bana, 9 người dân tộc Chăm, 1 người dân tộc Thái, 1 người dân tộc Mường, 93 người đã được phân công, bố trí công việc sau khi đào tạo (công chức: 6 người, viên chức 87 người).

## **III. THỰC TRẠNG VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ**

### **1. Về ban hành chính sách về tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số**

#### **a) Số lượng văn bản, hình thức văn bản đã ban hành**

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc

thiếu số bảo đảm phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương và đảm bảo theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Các chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng; quy hoạch; chuyển ngạch, nâng ngạch; xét, thi thăng hạng nâng ngạch; chính sách cử tuyển, tuyển sinh vào dự bị đại học; chính sách ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm đã được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa một số quy định, chính sách ưu tiên ở địa phương, đó là:

Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 và Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019<sup>2</sup>, quy định ngoài mức hỗ trợ hằng tháng theo quy định thì cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm hệ số 0,2 lần mức lương cơ sở.

Quyết định số 71/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023<sup>3</sup>, quy định đối tượng đào tạo đại học đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022<sup>4</sup>, quy định ưu tiên cán bộ, công chức, viên chức và người lao động là người dân tộc thiểu số được ưu tiên trong xét nâng bậc lương trước thời hạn nếu nhiều cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngang nhau về cấp độ thành tích ở chỉ tiêu cuối cùng.

Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 17/9/2022<sup>5</sup>, quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được điều động, luân chuyển, ngoài mức hỗ trợ chung của tỉnh, được hỗ trợ thêm 700.000 đồng/người/tháng.

Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 28/8/2020<sup>6</sup>, quy định một số nội dung ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển công chức đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024<sup>7</sup>, quy định nội dung kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải xác định cụ thể số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển.

b) Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các cơ chế, chính sách đã ban hành

<sup>2</sup> Ban hành Chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo.

<sup>3</sup> Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định.

<sup>4</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

<sup>5</sup> Ban hành Quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Bình Định.

<sup>6</sup> Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

<sup>7</sup> Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản, chính sách có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số và luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, đã chủ động tham mưu, đề xuất Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, chính sách nhằm triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ địa phương được giao quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương; quy định các chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương. Theo đó, việc lập đề nghị xây dựng chính sách, soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc đánh giá tác động của chính sách trên địa bàn tỉnh Bình Định nhìn chung đảm bảo thực hiện theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ, quy trình và nội dung ban hành văn bản đảm bảo đúng quy định, có chất lượng, nội dung quy định phù hợp thực tiễn, có tính khả thi.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện các quy định các văn bản, chính sách vẫn còn tồn tại, hạn chế nhất định, như: số lượng ban hành còn hạn chế, chưa toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, chưa thường xuyên kiểm tra, rà soát và điều chỉnh, bổ sung...

## **2. Về số lượng, cơ cấu**

Tính đến ngày 01/01/2020, tổng số cán bộ, công chức, viên chức (cấp huyện trở lên) là 26.752 người, trong đó cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là 407 người chiếm tỷ lệ 1,5%; tổng số cán bộ, công chức (cấp xã) là 3.244 người, trong đó cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là 311 người chiếm tỷ lệ 10%.

Tính đến ngày 30/6/2024, tổng số cán bộ, công chức, viên chức (cấp huyện trở lên) là 27.806 người, trong đó cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là 484 người chiếm tỷ lệ 1,7%; tổng số cán bộ, công chức (cấp xã) là 3.121 người, trong đó cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là 288 người chiếm tỷ lệ 9,2%. Như vậy, so với thời điểm năm 2020, cán bộ, công chức, viên chức (cấp huyện trở lên) dân tộc thiểu số tăng 0,2%; cán bộ, công chức (cấp xã) dân tộc thiểu số giảm 0,8%.

## **3. Về tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số**

- Về tuyển dụng công chức: Trong giai đoạn 2020 - 2024, việc tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ<sup>8</sup>. Trong đó, đã thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số, như: xét tuyển công chức đối với sinh viên người dân tộc thiểu số được Ủy ban nhân dân tỉnh cử đi học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp, đăng ký dự tuyển về công tác tại các cơ quan đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, nơi xét cử đi học; được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2 (theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP);

<sup>8</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

miễn thi ngoại ngữ, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Về tuyển dụng viên chức: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tuyển dụng viên chức theo phân cấp quản lý và bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP<sup>9</sup> và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Bước đầu xác định số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (Ủy ban nhân dân huyện An Lão); thực hiện xét tuyển đối với người dân tộc thiểu số được cử đi học theo chế độ cử tuyển (Sở Y tế). Đồng thời, đã thực hiện chính sách ưu tiên cộng điểm trong kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2 (theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP); miễn thi ngoại ngữ, trong trường hợp dự tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Kết quả tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Bình Định từ năm 2020 đến năm 2024 (30/6/2024) cụ thể như sau:

+ Năm 2020: tuyển dụng 120 công chức cấp tỉnh, huyện, trong đó có 02 công chức là dân tộc thiểu số; 554 viên chức trong đó có 14 viên chức dân tộc thiểu số; 29 công chức cấp xã, trong đó có 3 công chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2021: tuyển dụng 302 viên chức, trong đó 9 viên chức dân tộc thiểu số; 43 công chức cấp xã, trong đó 3 công chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2022: tuyển dụng 694 viên chức, trong đó 20 viên chức dân tộc thiểu số; 72 công chức cấp xã, trong đó có 6 công chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2023: Tuyển dụng được 932 viên chức, trong đó có 19 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2024 (đến 30/6/2024): Tuyển dụng được 702 viên chức, trong đó có 36 viên chức dân tộc thiểu số.

#### **4. Về sử dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số**

##### **a) Về đào tạo, bồi dưỡng**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đó có cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chú trọng thực hiện đúng quy định. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn và các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm như: bồi dưỡng chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh, chức vụ, vị trí việc làm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao tính tích cực, chú trọng việc tự bồi dưỡng, đáp ứng được các yêu cầu của vị trí việc làm và đổi mới căn bản, toàn diện phát triển của cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm, thực hiện chế độ, chính sách ưu tiên, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; ban hành một số chính sách đặc thù đối với cán bộ, công

<sup>9</sup> Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, trong đó chính sách hỗ trợ hằng tháng. Các cấp ủy, chính quyền các cấp đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nói riêng. Nhờ đó, đã tạo điều kiện và động lực để cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và theo vị trí việc làm, góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là ở cấp cơ sở. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định từ năm 2020 đến nay cụ thể như sau:

Thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ<sup>10</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thực hiện Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018- 2020, Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2021. Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>11</sup>, đã xác định mục tiêu đến năm 2025: 100% cán bộ, công chức người dân tộc kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác. Từ năm 2020 đến 2023, có 9 lượt cán bộ, công chức<sup>12</sup> là người dân tộc thiểu số được tham gia các lớp bồi dưỡng dành cho lãnh đạo cấp huyện, cấp phòng và quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên 3.013 lượt người, trong đó có 70 lượt người là dân tộc thiểu số; 100% cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Thực hiện nội dung 01, Tiêu dự án 2 của Dự án 5 “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiêm túc triển khai thực hiện, kết quả như sau:

- Phối hợp với Học viện Dân tộc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tổng số 305 học viên:

+ Năm 2022: Đối tượng 4 với 175 học viên (03 lớp), đối tượng 3 với 57 học viên (01 lớp).

+ Năm 2023: Đối tượng 4 với 73 học viên (02 lớp).

<sup>10</sup> Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ<sup>10</sup> phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025.

<sup>11</sup> Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>12</sup> Lãnh đạo cấp huyện: 04 người; lãnh đạo cấp phòng: 02 người; chuyên viên chính: 03 người.

- Trong năm 2023, tổ chức 07 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc tại các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn trong năm 2023 cho đối tượng 3 và đối tượng 4 với 266 học viên.

b) Về quy hoạch, bổ nhiệm

- Về quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo từng giai đoạn; đồng thời, hàng năm tiến hành rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa theo quy định Đảng và Nhà nước. Theo đó, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt quy hoạch lãnh đạo Ban Dân tộc nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với 17 lượt cán bộ, công chức, trong đó có 10 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, đạt tỷ lệ 59% (nhiệm kỳ 2020 - 2025: có 6/9 lượt cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 67%; nhiệm kỳ 2026 -2031: có 4/8 lượt cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 50%).

Chức danh	Nhiệm kỳ 2020 - 2025		Nhiệm kỳ 2026 - 2031		Tổng cộng	
	Tổng số	Trong đó DTTS	Tổng số	Trong đó DTTS	Tổng	Trong đó DTTS
Trưởng ban	4	3	3	1	7	4
Phó Trưởng ban	5	3	5	3	10	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>17</b>	<b>10</b>

Đối với Ban Dân tộc đã thực hiện quy hoạch lãnh đạo, quản lý cấp phòng:

- Về bổ nhiệm: Việc bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số chủ yếu bố trí các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh.

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm: Các cấp, các ngành, địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Trung ương và của tỉnh về thẩm quyền, quy trình, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, số lượng, độ tuổi theo quy định.

- Kết quả công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương :

Đối với Lãnh đạo Ban Dân tộc: Trong giai đoạn 2016 - 2023 đã bổ nhiệm 06 lượt công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý Ban Dân tộc, trong đó có 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban là người dân tộc thiểu số. Đến nay, Lãnh đạo Ban Dân tộc có 01/03 lãnh đạo Ban (tỷ lệ 33%) là người dân tộc thiểu số, bảo đảm trình độ chuyên môn đại học, trình độ lý luận chính trị cao cấp theo quy định.

Đối với Lãnh đạo phòng thuộc Ban Dân tộc: Có 01 phó trưởng phòng/05 lãnh đạo phòng là người dân tộc thiểu số, tỷ lệ 20% và đã được quy hoạch chức danh trưởng phòng.



Đối với Lãnh đạo Phòng Dân tộc các huyện: Tổng số có 04/06 (tỷ lệ 67%) lãnh đạo là người dân tộc thiểu số (huyện An Lão có 01/02 lãnh đạo; huyện Vĩnh Thạnh có 02/02 lãnh đạo phòng, huyện Vân Canh có 01/02 lãnh đạo phòng)<sup>13</sup>.

Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các sở, ngành: 97 người, trong đó dân tộc thiểu số 02 người. Cán bộ lãnh đạo, quản lý là trưởng, phó phòng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc diện các cơ quan, đơn vị quản lý, tổng số 1.844 người, trong đó có 18 người dân tộc thiểu số. Cán bộ cấp xã 1.608 người, trong đó có 171 người dân tộc thiểu số.

- Công tác điều động, luân chuyển cán bộ người dân tộc thiểu số: Công tác điều động, luân chuyển cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm, tạo điều kiện để cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý. Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định điều động, luân chuyển 02 cán bộ người dân tộc thiểu số để giới thiệu bầu giữ chức Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách Hội đồng nhân dân tỉnh. Các cấp ủy, địa phương cũng đã quan tâm bố trí luân chuyển, điều động, tạo điều kiện để cán bộ người dân tộc được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn và tạo nguồn cán bộ chủ chốt cho địa phương.

Nhìn chung, công chức lãnh đạo Ban Dân tộc và các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc, Lãnh đạo Phòng Dân tộc các huyện có trình độ chuyên môn đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp theo quy định, có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật được bổ nhiệm giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp.

### c) Về ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Tổng số cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên là 2001 người, trong đó cán bộ: 62 người, người dân tộc thiểu số 5 người, chiếm tỷ lệ 8,06%; công chức 1.932 người, người dân tộc thiểu số 31 người, chiếm tỷ lệ 1,6%; chia theo cơ cấu ngạch cụ thể như sau:

	<b>Ngạch, chức danh</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Trong đó người DTTS</b>
<b>Công Chức</b>	Nhân viên và tương đương	8	0
	Cán sự và tương đương	35	1
	Chuyên viên và tương đương	1.428	25
	Chuyên viên chính và tương đương	505	10
	Chuyên viên cao cấp và tương đương	25	0
	<b>Tổng</b>	<b>2.001</b>	<b>36</b>
<b>Viên chức</b>	Hạng IV và tương đương	5.074	221
	Hạng III và tương đương	12.903	214
	Hạng II và tương đương	7.792	13
	Hạng I và tương đương	36	0
	<b>Tổng</b>	<b>25.769</b>	<b>448</b>

<sup>13</sup> Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh; Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện Vĩnh Thạnh, An Lão.

- Công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số công tác ở vùng dân tộc thiểu số khi dự thi thăng hạng viên chức được miễn thi ngoại ngữ theo quy định. Từ năm 2020 đến nay, tỉnh Bình Định đã tổ chức 3 các kỳ thi nâng ngạch, trong đó nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính và tương đương có 3 công chức là người dân tộc thiểu số, từ cán sự lên chuyên viên và tương đương có 3 công chức là người dân tộc thiểu số, 3 viên chức là người dân tộc thiểu số. Các Sở, ngành, địa phương tổ chức các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo phân cấp, trong đó có 4 người dân tộc thiểu số được thăng hạng từ hạng IV lên hạng III.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt, nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo, đầy đủ, kịp thời đúng quy định các chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số bao gồm tuyển dụng, sử dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm. Đặc biệt công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, đang công tác tại các trường Phổ thông dân tộc nội trú, chuyên biệt, vùng đồng bào dân tộc - miền núi được hưởng đầy đủ, đảm bảo các chính sách chung theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức, có trình độ năng lực nghiệp vụ, từng bước củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Các chính sách của tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, trong đó có chính sách đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nỗ lực phấn.

### **2. Hạn chế**

- Số lượng, cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số một số địa phương nhất là cấp xã ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỷ lệ thấp, không đồng đều.

- Một số địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí biên chế hợp lý để thực hiện việc tiếp nhận và tuyển dụng sinh viên cử tuyển, người dân tộc thiểu số vào làm công chức, viên chức và công chức cấp xã theo quy định.

- Địa phương chưa kịp thời xây dựng kế hoạch để thực hiện quy định về chính sách dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo quy định Chính phủ, nhất là đối với các xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 5% tổng dân số của địa phương.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG**

### **1. Kiến nghị, đề xuất**

Kính đề xuất Bộ Nội vụ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số để khuyến khích, thu hút lực lượng trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật về công tác tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi theo quy định tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Chính phủ phê duyệt đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; có chính sách ưu tiên phù hợp trong đào tạo nhân lực và sử dụng cán bộ, đào tạo cán bộ nguồn cho các cấp chính quyền là con em các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

### **2. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới**

- Đảm bảo tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; sự tham gia giám sát của các tổ chức đoàn thể và đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản trị, quản lý, điều hành cơ quan, đơn vị; phát huy sức mạnh, sáng tạo, năng lực, sở trường, tinh thần đoàn kết của đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, chương trình, kế hoạch hoạt động gắn với việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số để phát huy tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

- Tăng cường công tác đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát nhằm đánh giá được thực trạng tình hình, kịp thời đưa ra các giải pháp để các hoạt động đi vào nề nếp, ổn định, đúng pháp luật.

- Sơ kết, tổng kết tình hình triển khai thực hiện và kết quả đạt được, đúc kết, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với thực tế, giai đoạn; nhân rộng điển hình các tập thể, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đồng thời nghiêm túc phê bình những trường hợp thực hiện không hiệu quả, không đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: VC, VT, AL, HA, TS, PC;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K12.

*Thư*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tuấn Thanh*  
**Nguyễn Tuấn Thanh**

## UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

## Phụ lục số 01

## THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DTTS

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) hiện có: 30.927 người  
- Tổng số CBCCVC người dân tộc thiểu số: 772 người (tỷ lệ % so với số hiện có): 2.4%

STT	Thành phần dân tộc thiểu số	Cán bộ						Công chức						Viên chức				Tổng số của (3)+(5)+(7) + (9)+(11)+(19)	Tổng số của (4)+(6)+(8) + (10)+(12)+(20)	Độ tuổi			Ghi chú
		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã		Cấp tỉnh		Cấp huyện				Dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Thổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	2	1	5	2	2	3	0	0
2	Thái	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	1	3	1	4	3	10	5	4	3	0	0
3	Tày	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	2	1	5	4	2	2	11	9	9	2	0	0
4	Pako	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	2	2	1	1	0	0
5	Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2	6	6	11	8	9	2	0	0
6	Mường	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	3	3	7	4	12	7	9	5	1	0
7	H'rê	0	0	3	2	63	15	2	0	4	0	41	14	6	3	111	37	230	71	116	90	23	0
8	Ê Đê	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0
9	Chăm	0	0	0	0	10	4	2	0	6	2	4	1	8	5	49	32	79	44	37	36	6	0
10	Bana	0	0	4	1	97	21	5	0	6	1	67	14	10	7	213	136	402	180	227	139	37	0
11	Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	0
12	Hoa	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	2	3	2	1	2	0	0
13	Cao Lan	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	0
14	Sách	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0
15	Chứt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	1	0	1	0
16	Trà Cú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>171</b>	<b>41</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>117</b>	<b>31</b>	<b>46</b>	<b>28</b>	<b>402</b>	<b>226</b>	<b>772</b>	<b>333</b>	<b>420</b>	<b>283</b>	<b>69</b>	<b>0</b>

## UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

## Phụ lục số 02

## THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: 772 người

STT	Thành phần dân tộc thiểu số	Ngạch công chức				Trình độ chuyên môn							Lý luận chính trị					Đăng viên	Ghi chú
		CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	CS - NV hoặc tương đương	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>A</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	
1	Bana	0	1	3	1	0	0	4	0	1	0	0	0	1	2	0	2	5	
2	Chăm Hroi	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	3	
3	H're	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	
4	Mường	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
5	Hoa	0	1	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	
6	Tày	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	
<b>B</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	
1	Bana	0	1	9	0	0	2	8	0	0	0	0	0	6	2	2	0	9	
2	Chăm Hroi	0	2	4	0	0	2	4	0	0	0	0	0	2	3	1	0	5	
3	Thái	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	
4	H're	0	3	4	0	0	1	6	0	0	0	0	0	4	1	0	2	5	
<b>C</b>	<b>Cấp xã</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>218</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>227</b>	<b>1</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>32</b>	<b>224</b>	<b>21</b>	<b>11</b>	<b>273</b>	
1	Bana	0	1	114	49	0	1	123	0	41	0	0	0	20	127	10	8	150	
2	Chăm Hroi	0	1	12	1	0	1	12	0	1	0	0	0	4	9	1	0	14	
3	H're	0	3	86	15	0	2	88	1	14	0	0	0	8	85	9	3	105	
4	Tày	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	

5	Mường	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	
6	Thái	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	2	
<b>Tổng <math>A + B + C</math></b>		<b>0</b>	<b>13</b>	<b>245</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>257</b>	<b>1</b>	<b>57</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>235</b>	<b>27</b>	<b>17</b>	<b>303</b>	

## UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

## Phụ lục số 03

## THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: 772 người

STT	Thành phần dân tộc thiểu số	Hạng chức danh nghề nghiệp				Trình độ chuyên môn							Lý luận chính trị					Đăng viên	Ghi chú
		CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	CS - NV hoặc tương đương	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>A</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>39</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>37</b>	<b>32</b>	
1	Thổ	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	
2	Thái	0	0	3	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	1	0	2	3	
3	Tày	0	0	5	0	0	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	5	3	
4	Pako	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
5	Nùng	0	1	4	0	0	1	4	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2	
6	Mường	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	
7	H'rê	0	1	5	0	0	1	5	0	0	0	0	0	1	2	0	3	4	
8	Ê Đê	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
9	Chăm	0	0	7	1	0	0	8	0	0	0	0	0	1	1	1	5	6	
10	Bana	0	0	7	3	0	0	9	0	1	0	0	0	0	2	0	8	9	
11	Hoa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Cao Lan	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
13	Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>B</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>175</b>	<b>216</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>258</b>	<b>57</b>	<b>78</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>44</b>	<b>47</b>	<b>308</b>	<b>268</b>	
1	Bana	0	6	80	126	0	8	125	22	66	1	0	0	2	24	37	149	160	
2	Chăm Hroi	0	5	37	7	0	0	36	6	7	0	0	0	1	2	0	46	16	
3	H're	0	0	33	79	0	0	71	26	5	0	0	0	0	16	5	91	78	



4	Mường	0	0	5	2	0	0	5	2	0	0	0	0	0	0	1	6	5	
5	Nùng	0	0	4	2	0	0	5	1	0	0	0	0	0	0	0	6	1	
6	Thổ	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	
7	Thái	0	0	4	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	1	2	1	4	
8	Pako	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	
9	Cao Lan	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
10	Sách	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Mnông	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
12	Tày	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	
13	Hoa	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	
14	Chứt	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	
<b><i>Tổng A + B</i></b>		<b>0</b>	<b>13</b>	<b>214</b>	<b>221</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>297</b>	<b>57</b>	<b>79</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>50</b>	<b>48</b>	<b>345</b>	<b>300</b>	

**UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Phụ lục số 4**

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ**

STT	Thành phần dân tộc thiểu số	Lãnh đạo cấp Sở		Lãnh đạo cấp huyện		Lãnh đạo cấp phòng		Đại biểu Quốc hội		Tổng số của (3)+(5)+(7)+ (9)	Tổng số của (4)+(6)+(8)+ (10)	Ghi chú
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Bana	1	0	4	1	6	3	0	0	11	4	0
2	Chăm Hroi	0	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0
3	H're	1	0	3	2	10	7	0	0	14	9	0
4	Thái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>29</b>	<b>13</b>	<b>0</b>